

Số: **150/2019/QĐST-VDS**

Thủ Dầu Một, ngày 09 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.**

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 146/2019/TLST-VDS, ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh B.

- Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1969; địa chỉ: khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 01/4/2019, bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn V đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà N và ông V yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc bà N và ông V thật sự tự nguyện ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Giao các con chung là cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 31/01/2003 và cháu Đỗ Thị Lệ Q, sinh ngày 27/8/2005 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về con chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu phải chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn V thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyền số 02/2000 ngày 01/10/2001 của UBND phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B cấp cho bà N và ông V không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao các con chung là cháu Đỗ Văn N, sinh ngày 31/01/2003 và cháu Đỗ Thị Lệ Q, sinh ngày 27/8/2005 cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung là cháu Đỗ Văn N và cháu Đỗ Thị Lệ Q, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị N và ông Đỗ Văn V mỗi người nộp số tiền là 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016-0033718 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường H, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh B;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh